

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **355** /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày **20** tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Nghị quyết về Phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương
thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về Phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 với nội dung sau: 

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018

1. Tổng nguồn vốn phân bổ: 112.280 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn Đầu tư phát triển: 76.099 triệu đồng
- Vốn Sự nghiệp: 36.181 triệu đồng.

2. **Kết quả thực hiện:** Xác định giảm nghèo tiếp tục là một trong những ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh năm 2018. Ngay sau khi có Quyết định giao vốn của Trung ương, UBND tỉnh đã tích cực triển khai giao vốn để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện sớm. Việc bố trí vốn cho các dự án, tiểu dự án của Chương trình đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định. Các nguồn vốn bố trí trong kế hoạch đã tập trung hơn, không dàn trải bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; việc quản lý các nguồn vốn chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch.

UBND tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Thực hiện các Nghị quyết và các văn bản của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018¹, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc², trong đó tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương và các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018, quy định chủ đầu tư nào không giải ngân hết số vốn kế hoạch được giao sẽ phải kiểm điểm và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Đến 31/01/2019 tỷ lệ giải ngân vốn của Chương trình đạt 80,89%.

Kết quả thực hiện từng chương trình, dự án như sau:

- *Chương trình 30a:* Tổng nguồn vốn phân bổ: 46.468 triệu đồng (ĐTPT: 30.952 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 15.516 triệu đồng)³

¹ Công văn số 6609/VPCP-KTTH ngày 13/7/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

² Công văn số: 1264/UBND-KTTH ngày 31/7/2018; 1642/UBND-KTTH ngày 01/10/2018; 1780/UBND-KTTH ngày 23/10/2018; Ngoài ra, ngày 19/9/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp Kho bạc nhà nước Quảng Bình tổ chức Hội nghị với các chủ đầu tư giải ngân chậm để đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

³ Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho huyện nghèo Minh Hóa: phân bổ 20.146 triệu đồng cho: 32 hạng mục công trình, duy tu bảo dưỡng 1.194 triệu đồng; Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển: phân bổ 12.756 triệu đồng cho: 12 xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển, trong đó vốn ĐTPT 12.000 triệu đồng để phân bổ cho 22 công trình, duy tu bảo dưỡng 756 tr.đồng; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo đối với huyện Minh Hóa và các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển: kinh phí thực hiện 12.209 triệu đồng, giao khoán cho các đơn vị để chăm sóc và bảo vệ 34.741 ha rừng, hỗ trợ 28.520 liều vacxin, triển khai 02 mô hình và 28 dự án trồng trọt và chăn nuôi cho 2.695 hộ, hỗ trợ phân bón cho 1.763 hộ và các hoạt động tập huấn hướng dẫn kỹ thuật; Dự án hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: 1.357 triệu đồng.

- *Chương trình 135*: Tổng nguồn vốn phân bổ: 60.365 triệu đồng (ĐTPT: 45.147 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 15.218 triệu đồng)⁴

- *Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135*: Tổng nguồn vốn sự nghiệp 1.618 triệu đồng⁵

- *Truyền thông về giảm nghèo thông tin*: Tổng nguồn vốn sự nghiệp 3.006 triệu đồng⁶

- *Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình*: Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp 823 triệu đồng.

Nhìn chung việc phân bổ nguồn vốn Chương trình MTQG Giảm nghèo năm 2018 đảm bảo đúng quy định, phù hợp thực tế; tuy vậy việc phân bổ nguồn vốn muộn đã ảnh hưởng không ít đến tiến độ, hiệu quả thực hiện các công trình, dự án ở các địa phương, tỷ lệ giải ngân chưa cao, chưa giải ngân hết số vốn kế hoạch giao⁷, một số tiểu dự án chưa triển khai thực hiện⁸.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

1. Tổng nguồn vốn phân bổ: 162.224 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn Đầu tư phát triển: 122.733 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp: 39.491 triệu đồng

⁴ Hỗ trợ cơ sở hạ tầng: phân bổ 45.147 triệu đồng, phân khai cho 89 công trình; phân bổ 2.307 triệu đồng để thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng các công trình đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: 8.370 triệu đồng, UBND các huyện, thị xã đã phân khai nguồn vốn cho UBND các xã, thị trấn để tổ chức thực hiện; Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở: phân bổ 2.448 triệu đồng để thực hiện. Ban Dân tộc đã phối hợp với các ngành chức năng và UBND các huyện, tổ chức 37 lớp tập huấn với 2.500 lượt người tham gia (trong đó: 23 lớp cộng đồng; 06 lớp cấp tỉnh; 08 lớp cấp huyện).

⁵ Phân bổ 1.618 triệu đồng. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã triển khai hỗ trợ 5 dự án trồng trọt cho 387 hộ, 07 dự án hỗ trợ giống vật nuôi cho 46 hộ; hỗ trợ phân bón 67 hộ; tập huấn chuyển giao kỹ thuật 01 lớp cho 12 hộ.

⁶ Hoạt động giảm nghèo thông tin: Sở Thông tin truyền thông tổ chức 01 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin truyền thông cho 108 cán bộ cấp huyện, cấp xã và 01 Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh tập huấn kiến thức, kỹ năng biên tập tin, bài, tuyên truyền và số hóa truyền hình cho 400 cán bộ cấp huyện, xã; trang bị 10 bộ phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại xã; Quản lý, giám sát giảm nghèo về thông tin. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng tại tỉnh. Tỷ lệ giải ngân đạt 99,3%; Hoạt động truyền thông về giảm nghèo: xây dựng mới và sửa chữa 04 cụm pano tuyên truyền về giảm nghèo, in ấn tờ rơi tuyên truyền về giảm nghèo; tuyên truyền giảm nghèo trên tạp chí Lao động xã hội; duy trì, cập nhật thông tin, bài về giảm nghèo trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động – Thương binh và xã hội.

⁷ Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư phát triển của Chương trình đạt 83,5%. Trong đó: (i) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo Minh Hóa theo NQ 30a tỷ lệ giải ngân đạt 89,28%; (ii) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo tỷ lệ giải ngân 50,31%; (iii) HT đầu tư CSHT các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn có tỷ lệ giải ngân 89,89%;...

⁸ Dự án hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài,...

Cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục CTMT- Dự án	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng (+), Giảm (-)
	Tổng nguồn vốn	112.280	162.224	49.944
1	Dự án 1: Chương trình 30a	46.468	92.583	46.115
2	Dự án 2: Chương trình 135	60.365	62.518	2.153
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135	1.618	1.833	215
4	Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	3.006	4.245	1.239
5	Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	823	1.045	222

3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

- Theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Quảng Bình; các văn bản hướng dẫn của Trung ương về xây dựng kế hoạch Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019;

- Theo Văn bản hướng dẫn số 4834/LĐTBXH-VPQGGN ngày 14/11/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019; Văn bản số 29/UBNDT-VP135 ngày 09/01/2019 về việc thực hiện Chương trình 135 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương khác.

4. Phương án phân bổ Ngân sách Trung ương

a. Dự án 1. Chương trình 30a: 92.583 triệu đồng (vốn ĐTPT 77.018 triệu đồng; vốn SN 15.565 triệu đồng) 

- *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo Minh Hóa theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP:*

+ Phân bổ vốn đầu tư phát triển: 62.101 triệu đồng, trong đó: thu hồi vốn ứng trước 3.935 triệu đồng. Phân bổ cho huyện nghèo Minh Hóa theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

+ Phân bổ vốn sự nghiệp 1.862 triệu đồng thực hiện duy tu bảo dưỡng. Theo nguồn vốn duy tu bảo dưỡng được quy định tại Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển. Tuy nhiên, do năm 2016 và năm 2017 Trung ương đã giao vượt định mức vốn duy tu bảo dưỡng này, nên giai đoạn 2018-2020 bằng 4,8% vốn đầu tư phát triển, năm 2019 trung ương chỉ giao nguồn vốn này chỉ bằng 2,99%.

(Chi tiết phụ lục I kèm theo)

- *Tiểu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.*

+ Phân bổ vốn đầu tư phát triển 14.917 triệu đồng. Phân bổ các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

Cấp bù kinh phí theo định mức còn thiếu năm 2017 chưa cấp cho 4 xã mới được bổ sung theo Quyết định số 131/QĐ-TTg với định mức năm 2017 là 1.000 triệu đồng/xã⁹.

Cấp mới năm 2019: Theo danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định 131/QĐ-TTg là 12 xã, tuy nhiên hiện nay có 03/12 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đạt chuẩn nông thôn mới¹⁰. Do đó, năm 2019 có 9 xã được bố trí vốn đầu tư phát triển với định mức phân bổ 1.213 triệu đồng/xã.

+ Phân bổ vốn sự nghiệp 629 triệu đồng thực hiện duy tu bảo dưỡng. Theo nguồn vốn duy tu bảo dưỡng được quy định tại Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm. Tuy nhiên, năm 2019 Trung ương giao nguồn vốn này chỉ bằng 5,77% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

(Chi tiết phụ lục II kèm theo)

⁹ 02 xã huyện Quảng Ninh: xã Hiền Ninh, Duy Ninh; 02 xã thị xã Ba Đồn: xã Quảng Sơn, xã Quảng Trung

¹⁰ 01 xã ở thị xã Ba Đồn: xã Quảng Trung; 02 xã huyện Quảng Ninh: xã Hiền Ninh, xã Duy Ninh. *th*

- *Tiểu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 11.409 triệu đồng, trong đó:*

+ Phân bổ vốn sự nghiệp 8.709 triệu đồng hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo đối với huyện Minh Hóa. Giao UBND huyện Minh Hóa phân bổ chi tiết đến các đơn vị thụ hưởng theo quy định. Ưu tiên bố trí hợp lý vốn hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo Minh Hóa nhằm tạo sinh kế bền vững với nội dung mô hình nông nghiệp dinh dưỡng thuộc chương trình không còn nạn đói ở Việt Nam trước khi bố trí kinh phí cho các nội dung hỗ trợ khác như: khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, giao rừng, giao đất để trồng rừng... *(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo).*

+ Phân bổ vốn sự nghiệp 2.700 triệu đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất đối với các xã bãi ngang ven biển và hải đảo. Định mức phân bổ 300 triệu đồng/xã/năm. Giao UBND các huyện, thị xã phân bổ chi tiết số vốn hỗ trợ phát triển sản xuất đến các đơn vị thụ hưởng theo quy định. *(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo).*

- *Tiểu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.*

+ Phân bổ vốn sự nghiệp 1.665 triệu đồng. Hỗ trợ kinh phí sự nghiệp cho huyện nghèo Minh Hóa và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 131/QĐ-TTg (trừ các xã đạt chuẩn nông thôn mới). Giao UBND các huyện Minh Hóa phân bổ theo quy định số vốn 80 triệu đồng, Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ theo quy định 1.585 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục III kèm theo)

b. Dự án 2. Chương trình 135: 62.518 triệu đồng (vốn ĐTPT 45.715 triệu đồng; vốn SN 16.803 triệu đồng).

- *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.*

+ Phân bổ vốn đầu tư phát triển 45.715 triệu đồng theo danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ; các thôn/bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

+ Phân bổ vốn sự nghiệp 3.292 triệu đồng thực hiện duy tu bảo dưỡng.

+ Nguồn vốn được phân bổ được tính toán trên cơ sở các tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, quy mô hộ nghèo¹¹.

¹¹ Quy định tại Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình 

- *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.*

+ Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp 11.704 triệu đồng. Giao UBND các huyện, thị xã thực hiện phân bổ chi tiết và Ban Dân tộc tỉnh tổ chức các nhiệm vụ liên quan.

- *Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn đặc biệt khó khăn.*

+ Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp 1.807 triệu đồng. Giao cho Ban Dân tộc thực hiện hướng dẫn phân bổ.

(Chi tiết phụ lục IV kèm theo)

c. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Phân bổ 1.833 triệu đồng. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện; UBND các huyện, thị xã phối hợp với phòng Nông nghiệp tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

(Chi tiết phụ lục V kèm theo)

d. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

Phân bổ 4.245 triệu đồng thực hiện truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin. Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội 399 triệu đồng thực hiện nội dung truyền thông về giảm nghèo; Sở Thông tin và Truyền thông 3.846 triệu đồng để thực hiện các nội dung giảm nghèo về thông tin.

e. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

Phân bổ 1.045 triệu đồng. Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (210 triệu đồng), Ban Dân tộc tỉnh (120 triệu đồng), Sở Kế hoạch và Đầu tư (100 triệu đồng), Sở NN&PTNT (70 triệu đồng) và UBND các huyện/thành phố/thị xã (545 triệu đồng) để triển khai thực hiện.

(Chi tiết phụ lục VI kèm theo)

5. Phương án phân bổ vốn đối ứng

Theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Quảng Bình

quy định: ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, trong đó: ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 60%, ngân sách huyện, xã đối ứng tối thiểu 40%. Riêng huyện Minh Hóa: ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 80%, ngân sách huyện, xã đối ứng tối thiểu 20%.

- Tổng nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình năm 2019: 162.224 triệu đồng. Trong đó: vốn ĐTPT 122.733 triệu đồng; vốn Sự nghiệp 39.491 triệu đồng.

- Vốn đối ứng địa phương (ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, xã): 16.222,4 triệu đồng. Trong đó: vốn ĐTPT 12.273,3 triệu đồng; vốn Sự nghiệp 3.949,1 triệu đồng:

+ Vốn Sự nghiệp đối ứng: Hiện nay, ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng cho Chương trình Giảm nghèo và giải quyết việc làm với số tiền 5.000 triệu đồng đã được HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua tại NQ 47/NQ-HĐND ngày 8/12/2018.

+ Vốn Đầu tư phát triển đối ứng: 12.273,3 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách tỉnh cân đối 8.907,78 triệu đồng¹²; Ngân sách huyện, xã cân đối: 3.365,52 triệu đồng.

Phần vốn ĐTPT đối ứng của ngân sách tỉnh 8.907,78 triệu đồng, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh đồng ý cho phép sử dụng nguồn vượt thu năm 2018, năm 2019 và các năm sau (nếu có), giao UBND tỉnh cân đối, lên phương án trình HĐND tỉnh thông qua kế hoạch bố trí vốn đối ứng cho các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Tiến Dũng

¹² Vốn ĐTPT đối ứng của Ngân sách tỉnh = [Vốn ĐTPT Hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho huyện Minh Hóa 77.190 triệu đồng (CT 30a: 62.101 trđ; CT 135: 15.089trđ) x 10% x 80%] + [Vốn ĐTPT Hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho các huyện còn lại 45.543 triệu đồng (CT 30a: 14.917 trđ; CT 135: 30.626trđ) x 10% x 60%] = 8.907,78 triệu đồng

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
GAO KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 355 TTTr-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục CTMT- Dự án	Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Đầu tư PT	Sự nghiệp	
	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	162.224	122.733	39.491	
1	Dự án 1: Chương trình 30a	92.583	77.018	15.565	
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; duy tu bảo dưỡng; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo Minh Hoá	72.672	62.101	10.571	Chi tiết có phụ lục I kèm theo
1.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng; duy tu bảo dưỡng; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	18.246	14.917	3.329	Chi tiết có phụ lục II kèm theo
1.3	Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	1.665		1.665	Chi tiết có phụ lục III kèm theo
2	Dự án 2: Chương trình 135	62.518	45.715	16.803	Chi tiết có phụ lục IV kèm theo
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135	1.833		1.833	Chi tiết có phụ lục V kèm theo
4	Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	4.245		4.245	
4.1	Truyền thông về giảm nghèo	399		399	Chủ đầu tư: Sở LĐ-TB&XH
4.2	Giảm nghèo về thông tin	3.846		3.846	Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông
5	Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	1.045		1.045	Chi tiết có phụ lục VI kèm theo

PHỤ LỤC I

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG, DUY TU BẢO DƯỠNG; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO HUYỆN NGHÈO MINH HÓA THEO NGHỊ QUYẾT 30a/NQ-CP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số **355**/TTr-UBND ngày **20** tháng **3** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2019			Đơn vị thực hiện
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ĐTPT	Vốn SN	
TỔNG CỘNG			72.672	62.101	10.571	
I	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	huyện Minh hóa	62.101	62.101		Giao UBND huyện Minh Hóa phân bổ theo đúng quy định
II	Duy tu bảo dưỡng		1.862		1.862	
III	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững		8.709		8.709	

lu

PHỤ LỤC II
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG, DUY TU BẢO DƯỠNG; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT,
ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO CÁC XÃ ĐBKK VÙNG BÀI
NGANG, VEN BIỂN VÀ HAI ĐẢO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM
NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 355/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT		Danh mục dự án/địa bàn	Kế hoạch vốn năm 2019			Đơn vị thực hiện
			Tổng cộng	Trong đó		
				Vốn ĐTPT	Vốn SN	
TỔNG CỘNG		18.246	14.917	3.329		
A	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	14.917	14.917	0		
1	Huyện Quảng Ninh	3.213	3.213		Giao UBND các huyện, thị xã phân bổ theo quy định	
2	Huyện Bố Trạch	1.213	1.213			
3	Huyện Lệ Thủy	2.426	2.426			
4	Huyện Quảng Trạch	2.426	2.426			
5	Thị xã Ba Đồn	5.639	5.639			
B	Duy tu bảo dưỡng	629	0	629		
1	Huyện Quảng Ninh	70		70		
2	Huyện Bố Trạch	70		70		
3	Huyện Lệ Thủy	139		139		
4	Huyện Quảng Trạch	140		140		
5	Thị xã Ba Đồn	210		210		
C	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	2.700	0	2.700		
1	Huyện Quảng Ninh	300		300		
2	Huyện Lệ Thủy	600		600		
3	Huyện Bố Trạch	300		300		
4	Huyện Quảng Trạch	600		600		
5	Thị xã Ba Đồn	900		900		

PHỤ LỤC III

HỖ TRỢ CHO LAO ĐỘNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẦN NGHÈO, HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐI LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI (TIỂU DỰ ÁN 4 - DỰ ÁN 1)

(Kèm theo Tờ trình số **355** /TTr-UBND ngày **20** tháng **3** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	TỔNG VỐN (Vốn sự nghiệp)	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TỔNG CỘNG		1.665	
1	Huyện Minh Hóa	80	UBND các huyện Minh Hóa phân bổ theo quy định
2	Sở Lao động - TBXH	1.585	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ theo quy định

Handwritten signature

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH 135 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019 (DỰ ÁN 2)

(Kèm theo Tờ trình số **355**/TTr-UBND ngày **20** tháng **3** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ địa bàn	Kế hoạch năm 2019			Đơn vị thực hiện
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
	TỔNG VỐN KẾ HOẠCH	62.518	45.715	16.803	
A	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG	45.715	45.715		
1	Huyện Minh Hóa	15.089	15.089		UBND huyện Minh Hóa phân bổ theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	13.219	13.219		UBND huyện Tuyên Hóa phân bổ theo quy định
3	Huyện Quảng Trạch	5.464	5.464		UBND huyện Quảng Trạch phân bổ theo quy định
4	Thị xã Ba Đồn	200	200		UBND thị xã Ba Đồn phân bổ theo quy định
5	Huyện Bố Trạch	6.662	6.662		UBND huyện Bố Trạch phân bổ theo quy định
6	Huyện Quảng Ninh	1.966	1.966		UBND huyện Quảng Ninh phân bổ theo quy định
7	Huyện Lệ Thủy	3.115	3.115		UBND huyện Lệ Thủy phân bổ theo quy định
B	VỐN DUY TU BẢO DƯỠNG	3.292		3.292	
1	Huyện Minh Hóa	1.086		1.086	UBND các huyện, thị xã phân bổ cho các xã, phường được thụ hưởng theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	952		952	
3	Huyện Quảng Trạch	394		394	
4	Thị xã Ba Đồn	14		14	
5	Huyện Bố Trạch	480		480	
6	Huyện Quảng Ninh	142		142	
7	Huyện Lệ Thủy	224		224	
C	NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ CƠ SỞ	1.807		1.807	Ban Dân tộc
D	HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ	9.373		9.373	
1	Huyện Minh Hóa	3.125		3.125	UBND các huyện, thị xã phân bổ cho các xã, phường được thụ hưởng theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	2.676		2.676	
3	Huyện Quảng Trạch	1.119		1.119	
4	Thị xã Ba Đồn	44		44	
5	Huyện Bố Trạch	1.376		1.376	
6	Huyện Quảng Ninh	383		383	
7	Huyện Lệ Thủy	650		650	

TT	Danh mục dự án/ địa bàn	Kế hoạch năm 2019			Đơn vị thực hiện
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
E	NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO	2.331		2.331	UBND các huyện phân bổ cho các xã được thụ hưởng theo quy định
1	Huyện Minh Hóa	779		779	
2	Huyện Tuyên Hóa	670		670	
3	Huyện Quảng Trạch	280		280	
5	Huyện Bố Trạch	343		343	
6	Huyện Quảng Ninh	97		97	
7	Huyện Lệ Thủy	162		162	

**PHỤ LỤC V KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA
SINH KẾ, NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH 30a VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019 (DỰ ÁN 3)**

(Kèm theo Tờ trình số **33**/TTr-UBND ngày **20** tháng **3** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ địa bàn	TỔNG VỐN (Vốn sự nghiệp)	Đơn vị thực hiện
	TỔNG CỘNG	1.833	
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	733	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện
2	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	1.100	
1	Huyện Tuyên Hóa	200	UBND các huyện, thị xã phân bổ theo quy định
2	Huyện Quảng Trạch	200	
3	Huyện Bố Trạch	300	
	Huyện Quảng Ninh	200	
4	Huyện Lệ Thủy	200	

th

**PHỤ LỤC VI. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2019 (DỰ ÁN 5)**

(Kèm theo Tờ trình số **355**/TTr-UBND ngày **20** tháng **3** năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ	TỔNG VỐN (Vốn sự nghiệp)	Ghi chú
	TỔNG VỐN	1.045	
1	Huyện Minh Hóa	90	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ thực hiện
2	Huyện Tuyên Hoá	80	
3	Huyện Quảng Trạch	75	
4	Thị xã Ba Đồn	60	
5	Huyện Bố Trạch	80	
6	Huyện Quảng Ninh	70	
7	Huyện Lệ Thủy	80	
8	Thành phố Đồng Hới	10	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	210	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình
10	Ban Dân tộc tỉnh	120	Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70	

lưu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày ... tháng 03 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về Phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình
mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về Phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 như sau:

1. Tổng nguồn vốn phân bổ là: **162.224 triệu đồng**
(Một trăm sáu mươi hai tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 122.733 triệu đồng
- Vốn sự nghiệp: 39.491 triệu đồng

2. Phương án phân bổ và danh mục các dự án, tiểu dự án thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; Cân đối nguồn vượt thu năm 2018, năm 2019 và các năm sau (nếu có), trình HĐND tỉnh thông qua kế hoạch bố trí vốn đối ứng cho các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban dân nhân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
GIAO KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ĐƠN VỊ: BAN TRƯỞNG CÔNG

TT	Danh mục CTMT- Dự án	Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Đầu tư PT	Sự nghiệp	
	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	162.224	122.733	39.491	
1	Dự án 1: Chương trình 30a	92.583	77.018	15.565	
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; duy tu bảo dưỡng; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo Minh Hoá	72.672	62.101	10.571	Chi tiết có phụ lục I kèm theo
1.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng; duy tu bảo dưỡng; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	18.246	14.917	3.329	Chi tiết có phụ lục II kèm theo
1.3	Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	1.665		1.665	Chi tiết có phụ lục III kèm theo
2	Dự án 2: Chương trình 135	62.518	45.715	16.803	Chi tiết có phụ lục IV kèm theo
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135	1.833		1.833	Chi tiết có phụ lục V kèm theo
4	Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	4.245		4.245	
4.1	Truyền thông về giảm nghèo	399		399	Chủ đầu tư: Sở LĐ-TB&XH
4.2	Giảm nghèo về thông tin	3.846		3.846	Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông
5	Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	1.045		1.045	Chi tiết có phụ lục VI kèm theo

PHỤ LỤC I
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG, DUY TU BẢO DƯỠNG; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO HUYỆN NGHÈO MINH HÓA THEO NGHỊ QUYẾT 30a/NQ-CP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2019			Đơn vị thực hiện
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ĐTPT	Vốn SN	
TỔNG CỘNG			72.672	62.101	10.571	
I	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	huyện Minh hóa	62.101	62.101		Giao UBND huyện Minh Hóa phân bổ theo đúng quy định
II	Duy tu bảo dưỡng		1.862		1.862	
III	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững		8.709		8.709	

PHỤ LỤC II
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG, DUY TU BẢO DƯỠNG; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT,
ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢI NGHÈO CÁC XÃ ĐBKK VÙNG BÃI
NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI
NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/địa bàn	Kế hoạch vốn năm 2019			Đơn vị thực hiện
		Tổng cộng	Trong đó		
			Vốn ĐTPT	Vốn SN	
TỔNG CỘNG		18.246	14.917	3.329	
A	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	14.917	14.917	0	
1	Huyện Quảng Ninh	3.213	3.213		Giao UBND các huyện, thị xã phân bổ theo quy định
2	Huyện Bố Trạch	1.213	1.213		
3	Huyện Lệ Thủy	2.426	2.426		
4	Huyện Quảng Trạch	2.426	2.426		
5	Thị xã Ba Đồn	5.639	5.639		
B	Duy tu bảo dưỡng	629	0	629	
1	Huyện Quảng Ninh	70		70	
2	Huyện Bố Trạch	70		70	
3	Huyện Lệ Thủy	139		139	
4	Huyện Quảng Trạch	140		140	
5	Thị xã Ba Đồn	210		210	
C	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình	2.700	0	2.700	
1	Huyện Quảng Ninh	300		300	
2	Huyện Lệ Thủy	600		600	
3	Huyện Bố Trạch	300		300	
4	Huyện Quảng Trạch	600		600	
5	Thị xã Ba Đồn	900		900	

PHỤ LỤC III

HỖ TRỢ CHO LAO ĐỘNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐI LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI (TIỂU DỰ ÁN 4 - DỰ ÁN 1)

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	TỔNG VỐN (Vốn sự nghiệp)	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TỔNG CỘNG		1.665	
1	Huyện Minh Hóa	80	UBND các huyện Minh Hóa phân bổ theo quy định
2	Sở Lao động -TBXH	1.585	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ theo quy định

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH 135 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019 (DỰ ÁN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ địa bàn	Kế hoạch năm 2019			Đơn vị thực hiện
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
	TỔNG VỐN KẾ HOẠCH	62.518	45.715	16.803	
A	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG	45.715	45.715		
1	Huyện Minh Hóa	15.089	15.089		UBND huyện Minh Hóa phân bổ theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	13.219	13.219		UBND huyện Tuyên Hóa phân bổ theo quy định
3	Huyện Quảng Trạch	5.464	5.464		UBND huyện Quảng Trạch phân bổ theo quy định
4	Thị xã Ba Đồn	200	200		UBND thị xã Ba Đồn phân bổ theo quy định
5	Huyện Bố Trạch	6.662	6.662		UBND huyện Bố Trạch phân bổ theo quy định
6	Huyện Quảng Ninh	1.966	1.966		UBND huyện Quảng Ninh phân bổ theo quy định
7	Huyện Lệ Thủy	3.115	3.115		UBND huyện Lệ Thủy phân bổ theo quy định
B	VỐN DUY TU BẢO DƯỠNG	3.292		3.292	
1	Huyện Minh Hóa	1.086		1.086	UBND các huyện, thị xã phân bổ cho các xã, phường được thụ hưởng theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	952		952	
3	Huyện Quảng Trạch	394		394	
4	Thị xã Ba Đồn	14		14	
5	Huyện Bố Trạch	480		480	
6	Huyện Quảng Ninh	142		142	
7	Huyện Lệ Thủy	224		224	
C	NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ CƠ SỞ	1.807		1.807	Ban Dân tộc
D	HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ	9.373		9.373	
1	Huyện Minh Hóa	3.125		3.125	UBND các huyện, thị xã phân bổ cho các xã, phường được thụ hưởng theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	2.676		2.676	
3	Huyện Quảng Trạch	1.119		1.119	
4	Thị xã Ba Đồn	44		44	
5	Huyện Bố Trạch	1.376		1.376	
6	Huyện Quảng Ninh	383		383	
7	Huyện Lệ Thủy	650		650	

TT	Danh mục dự án/ địa bàn	Kế hoạch năm 2019			Đơn vị thực hiện
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
E	NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO	2.331		2.331	
1	Huyện Minh Hóa	779		779	UBND các huyện phân bổ cho các xã được thụ hưởng theo quy định
2	Huyện Tuyên Hóa	670		670	
3	Huyện Quảng Trạch	280		280	
5	Huyện Bố Trạch	343		343	
6	Huyện Quảng Ninh	97		97	
7	Huyện Lệ Thủy	162		162	

PHỤ LỤC V
KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ,
NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH 30a VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019 (DỰ ÁN 3)

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ địa bàn	TỔNG VỐN (Vốn sự nghiệp)	Đơn vị thực hiện
	TỔNG CỘNG	1.833	
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	733	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện
2	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	1.100	
1	Huyện Tuyên Hóa	200	UBND các huyện, thị xã phân bổ theo quy định
2	Huyện Quảng Trạch	200	
3	Huyện Bố Trạch	300	
	Huyện Quảng Ninh	200	
4	Huyện Lệ Thủy	200	

PHỤ LỤC VI
NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NĂM 2019 (DỰ ÁN 5)

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/03/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình)g Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ	TỔNG VỐN (Vốn sự nghiệp)	Ghi chú
	TỔNG VỐN	1.045	
1	Huyện Minh Hóa	90	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ thực hiện
2	Huyện Tuyên Hoá	80	
3	Huyện Quảng Trạch	75	
4	Thị xã Ba Đồn	60	
5	Huyện Bố Trạch	80	
6	Huyện Quảng Ninh	70	
7	Huyện Lệ Thủy	80	
8	Thành phố Đồng Hới	10	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	210	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình
10	Ban Dân tộc tỉnh	120	Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70	